TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮCGIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 40/2017/DS-PT
Ngày 15/8/2017
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiển

Các Thẩm phán: Ông Lương Xuân Lộc

Ông Nguyễn Gia Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang Ông Đặng Văn Thìn Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2017TLPT-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 28/2/2017 của của Toà án nhân dân huyện HH, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 62a/2017/QĐ-PT ngày 04/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn CL, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Đồng Văn T, sinh năm 1977, địa chỉ: Thôn CL, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn:

- Bà Ngô Thị Bích H, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn CL, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn CL, xã MĐ, huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Bà Ngô Thị Bích H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm thì vụ án có nội dung như sau:

Do có quan hệ quen biết, hàng xóm láng giềng nên từ tháng 11 năm 2014 vợ chồng Chị Nguyễn Thị N Anh Đồng Văn T có cho vợ chồng Bà Ngô Thị Bích H Ông Nguyễn Đức L vay tổng số tiền 320.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng). Các lần vay tiền, đôi bên đều ký nhận với nhau bằng văn bản

thể hiện số tiền vay và thời hạn trả. Lãi suất theo chị N anh T khai 1%/tháng, còn bà H ông L khai lãi suất 2000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày. Thời hạn vay theo chị N anh Tháng khai khi nào cần thì thông báo trước 01 tháng, bà H cam kết sẽ trả.

Cụ thể số tiền và ngày vay thể hiện như sau:

- Ngày 25/3/2014 cho vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)
- Ngày 06/9/2014 cho vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng)
- Ngày 24/11/2014 cho vay 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)
- Ngày 10/01/2015 cho vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 06/10/2014, vợ chồng bà H ông L đã trả cho vợ chồng chị N anh T 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Lãi suất đôi bên đã thanh toán cho nhau xong đến tháng 9/2015 (Âmlịch).

Từ tháng 9/2015, vợ chồng chị N anh T đã yêu cầu vợ chồng bà H ông L trả hết cả tiền gốc và lãi suất nhưng vợ chồng bà H ông L không trả đồng nào kể từ đó đến nay. Chị N anh T đề nghị Tòa án buộc vợ chồng bà H ông L trả cho vợ chồng chị 280.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn Bà Ngô Thị Bích H đại diện cho đồng bị đơn Ông Nguyễn Đức L trình bày thừa nhận có vay của vợ chồng chị N anh T số tiền như chị N anh T khai. Về lãi suất, bà H khẳng định bà đã trả cho vợ chồng chị N anh T tổng số tiền 214.000.000 đồng (Hai trăm mười bốn triệu đồng). Bà đề nghị Tòa án tính lại lãi suất cho bà theo mức lãi suất pháp luật quy định. Số tiền lãi bà trả thừa đề nghị trừ vào số tiền nợ gốc. Tại Biên bản hòa giải đề ngày 23/8/2016, Bà H thừa nhận còn nợ vợ chồng anh T chị N 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệ đồng) và xin được trả dần số tiền nợ này cho vợ chồng anh T chị N 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mỗi tháng nhưng phía vợ chồng chị N anh T không nhất trí.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2017/DS-ST ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Bắc Giang đã xử:

Áp dụng khoản 3 điều 26, điều 147, điều 227, 228, điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự (2015); các điều 275, 463, 466 – Bộ luật dân sự (2015); khoản 2 điều 476 – Bộ luật dân sự (2005) và điều 27 – Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Buộc Bà Ngô Thị Bích H và Ông Nguyễn Đức L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng Chị Nguyễn Thị N – Anh Đồng Văn T số tiền nợ gốc là 280.000.000đ và tiền lãi suất là 12.600.000đ, tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 292.600.000đ (hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra Bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 15/3/2017, bị đơn Bà Ngô Thị Bích H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn Bà Ngô Thị Bích H kháng cáo trình bày:

Bà thừa nhận có vay của vợ chồng Chị Nguyễn Thị N Anh Đồng Văn T số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng), ngày 16/10/2014 vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng chị N anh T đã 40.000.000 đồng còn nợ 280.000.000 đồng như vợ chồng anh T chị N khai nhưng do bà đã trả số tiền lãi cho vợ chồng anh T chị N quá cao (214.000.000 đồng) nên bà đề nghị Tòa án tính lại lãi suất của các khoản vay trên theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi trả thừa đề nghị trừ vào số nợ gốc vợ chồng bà phải trả cho vợ chồng chị N anh T. Bà thừa nhận ngày 23/8/2016, bà có ký giấy thỏa thuận còn nợ vợ chồng chị N anh T 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và đề nghị được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nhưng bà ký nhận thỏa thuận như vậy với vợ chồng chị N anh T là do nể nang và giữ uy tín vì bà là chi hội trưởng chi hội Phụ nữ của thôn. Bà H khẳng định 04 (Bốn) tờ giấy ký nhận tiền lãi chị N ký với bà là biên bản ghi nhận sự trả lãi của bà cho chị N lãi suất 2000 đồng (Hai nghìn đồng) trên 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) một ngày của số tiền vợ chồng bà vay vợ chồng chị N anh T.

Bà đề nghị Tòa án đối trừ số tiền bà đã trả lãi cho vợ chồng chị N anh T vào số tiền nợ gốc và xin trả dần số tiền nợ còn lại mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và không tính lãi suất của khoản nợ còn lại.

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N và Anh Đồng Văn T không đồng ý với kháng cáo của Bà Ngô Thị Bích H và trình bày:

Vợ chồng anh chị cho vợ chồng bà H ông L vay số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng) với lãi suất 1%/ tháng. Vợ chồng bà H ông L mới trả được cho anh chị 40.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi vợ chồng bà H mới trả cho chị hết tháng 9 năm 2014 (Âm lịch) nhưng nay vợ chồng anh chị chỉ yêu cầu vợ chồng bà H ông L trả nốt số tiền nợ gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 23/8/2016 (Ngày hai bên thỏa thuận số nợ còn lại và lãi suất) cho đến Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc chị N ký trên 04 (Bốn) tờ giấy của bà H xác nhận nhận số tiền lãi của bà H là tài liệu giả mạo. Chị có ký khống theo yêu cầu của bà H để bà H trả hết nợ cho chị vào ngày 30 Tết năm 2014 nhưng bà H lừa chị, không trả tiền cho chị, sau đó bà H tự ý ghi số tiền chị nhận của bà H vào các tờ giấy đó như nào chị N không biết. Chị N, anh T đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm.

Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa phúc thẩm.

Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Ngô Thị Bích H, áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lại lãi suất bà H ông L phải trả cho chị N anh T, số tiền chị N đã ký nhận với bà H được trừ vào số tiền nợ gốc sau khi trừ vào tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Do sửa phần nghĩa vụ số tiền phải trả nợ của bà H nên cần tính lại án phí theo quy định. Các đương sự được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu, tranh luận của các đương sự, nghe phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa; sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Do vợ chồng Bà Ngô Thị Bích H Ông Nguyễn Đức L còn nợ tiền theo hợp đồng vay tài sản với vợ chồng Chị Nguyễn Thị N Anh Đồng Văn T, bị vợ chồng chị N anh T kiện đòi nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Bà Ngô Thị Bích H cho rằng bà đã trả cho Chị Nguyễn Thị N 240.200.000 đồng tiền lãi suất đối với các khoản tiền vay theo thỏa thuận lãi suất 2000 đồng (Hai nghìn đồng) trên 1.000.000 đồng (một triệu đồng) một ngày và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại lãi suất, trừ số tiền trả lãi thừa vào tiền nợ gốc, số tiền gốc còn lại đề nghị trả cho vợ chồng chị N anh T 5000.000 đồng (Năm triệu đồng) mỗi tháng và không tính lãi suất thấy:

2.1. Các giấy biên nhận vay tiền lập giữa bên cho vay vợ chồng Chị Nguyễn Thị N Anh Đồng Văn T với bên vay vợ chồng Bà Ngô Thị Bích H Ông Nguyễn Đức L không ghi mức lãi suất 2000 đồng (Hai nghìn đồng) trên 1000.000 đồng (một triệu đồng) một ngày như bà H khai. Vợ chồng anh T chị N cũng không thừa nhận nội dung này nên không có căn cứ xác định đôi bên thỏa thuận lãi suất như bà H khai.

2.2. Xét lời khai của Bà Ngô Thị Bích H khai đã trả cho Chị Nguyễn Thị N theo từng tháng tương ứng với lãi suất 2000 đồng (Hai nghìn đồng) trên 1000.000 đồng (một triệu đồng) một ngày. Theo 04 tài liệu bà đã nộp cho Tòa án thì tổng số tiền đã trả 240.200.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu, hai trăm nghìn đồng) thấy:

Bà Ngô Thị Bích H khai lãi suất bà trả cho vợ chồng chị N anh T là 2000 đồng (Hai nghìn đồng) trên 1000.000 đồng (một triệu đồng) một ngày nhưng tài liệu thể hiện bà H viết số tiền trả lãi cho chị N anh T lại là 6%/1 tháng chứ

không phải mức 2000 đồng (Hai nghìn đồng) trên 1000.000 đồng (một triệu đồng) một ngày như bà H khai. Phía chị N anh T đều không thừa nhận đã được nhận từ bà H số tiền này và khai rằng đó là tài liệu giả mạo nên không có căn cứ xác định bà H đã trả cho vợ chồng chị N anh T số tiền 240.200.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu, hai trăm nghìn đồng) như bà H khai. Mặt khác tại biên bản hòa giải do các bên đương sự tự thiết lập ngày 23/8/2016 bà H vẫn cam kết còn nợ vợ chồng anh T chị N 280.000.000 (Hai trăm tám mươi triệu đồng) do vậy kháng cáo này của bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

2.3. Do vợ chồng Chị Nguyễn Thị N Anh Đồng Văn T chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Bà Ngô Thị Bích H Ông Nguyễn Đức L trả lãi số tiền còn nợ gốc 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) kể từ ngày 23/8/2016 nên căn cứ Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự cần buộc bà vợ chồng Hồng ông L trả lãi từ ngày 23/8/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

2.4. Bà Ngô Thị Bích H đề nghị chị N anh T cho bà trả dần số tiền nợ còn lại mỗi tháng 5000.000 đồng (Năm triệu đồng) và không tính lãi suất số nợ còn lại nhưng vợ chồng anh T chị N không đồng ý nên kháng cáo này của bà H không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, Bản án sơ thẩm xử buộc vợ chồng Bà Ngô Thị Bích H Ông Nguyễn Đức L chịu án phí đúng theo quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Bà Ngô Thị Bích H.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Bà Ngô Thị Bích H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308; Điều 147; Điều 148; Điều 91; Điều 126; Điều 138; Điều 141 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 280; khoản 1 Điều 281; Điều 290; Điều 298; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 25 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Bà Ngô Thị Bích H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm xử:

1. Buộc Bà Ngô Thị Bích H và Ông Nguyễn Đức L phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho vợ chồng Chị Nguyễn Thị N Anh Đồng Văn T số tiền nợ gốc là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi suất là 12.600.000

đồng (Mười hai triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi suất là 292.600.000 đồng (hai trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền còn phải thi hành án.

3. Án phí:

3.1 Chị Nguyễn Thị N và Anh Đồng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Chị Nguyễn Thị N số tiền 7.000.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai số 0000256 ngày 30/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

3.2 Bà Bà Ngô Thị Bích H và Ông Nguyễn Đức L phải liên đới chịu 14.630.000đ (mười bốn triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3.3 Bà Ngô Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận bà H đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001515 ngày 15/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HH, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện HH
- Chi cục THADS huyện HH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Như Hiển